

Bản án số: 32/2017/LĐ-PT

Ngày: 16 - 11 - 2017

V/v tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Đen là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 14/2017/TLPT- LĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 06/2017/LĐST ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:14/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T – sinh năm: 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Số 30B7, ấp Bào Sơn, xã Lý Văn L, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Hồ Nguyên L - sinh năm: 1970 (có mặt); Văn phòng luật sư Luật T N thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 384/8B, N K K N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty cổ phần C N Cà M

Địa chỉ: Số 202-204, Quang Trung, khóm 3, Phường 5, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Ông Ngô Hoàng V – sinh năm: 1972 (có mặt).Địa chỉ: Số 45/5B Lâm Thành M, Phường 4, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 16/11/2017).

- Người kháng cáo: Anh Phạm Văn T – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn là anh Phạm Văn T trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện: Anh T ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH MTV C T N và CCĐT Cà Mau (nay là Công ty

cổ phần CN Cà M, sau đây gọi tắt là Công ty) vào ngày 29/5/2001 với thời hạn 01 năm. Hết thời hạn 01 năm, anh vẫn tiếp tục làm việc tại Công ty cho đến khi nghỉ việc mà không ký thêm hợp đồng lao động nào khác nên hợp đồng lao động của anh đã chuyển sang loại hợp đồng không xác định thời hạn. Tại thời điểm bị chấm dứt hợp đồng, anh làm việc tại Xí nghiệp xây lắp với mức lương là 3.987.500 đồng.

Khi tiến hành cổ phần hóa, Công ty không thông báo trước cho anh về phương án sắp xếp lại cơ cấu, tổ chức của Công ty, phương án sắp xếp lao động dôi dư, Công ty không tổ chức Đại hội công nhân viên chức hoặc Đại hội Đại biểu công nhân viên chức theo quy định tại bước 3 của Điều 7 Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Công ty cũng không thông báo trước cho anh về việc anh bị chấm dứt việc làm do dôi dư trong thời hạn mà pháp luật quy định mà chỉ khi Công ty mời về triển khai Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 298/QĐ-CTN ngày 11/9/2015 của Công ty, anh mới biết mình thuộc trường hợp dôi dư.

Nay anh cho rằng Công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với anh nên khởi kiện Công ty yêu cầu những vấn đề sau:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 298/QĐ-CTN ngày 11/9/2015 của Công ty về việc chấm dứt hợp đồng lao động, nhận anh trở lại làm việc;
- Truy trả tiền lương trong thời gian không làm việc;
- Bồi thường 02 tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng trái luật là: 02 tháng x 3.987.500đ = 7.975.000đồng
- Buộc Công ty truy đóng các loại bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho anh.
- Buộc Công ty bồi thường tổn thất tinh thần cho anh là: 3.100.000đồng/tháng x 10 tháng = 31.000.000 đồng.

Trường hợp anh được nhận trở lại làm việc, anh sẽ trả lại cho Công ty các khoản chế độ đã nhận. Ngoài ra anh không còn yêu cầu gì khác.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Về thời gian ký kết hợp đồng, loại hợp đồng, các chế độ chính sách nghỉ việc của anh T đã được Công ty tính toán, chi trả đầy đủ đúng như anh T đã trình bày. Tại thời điểm nghỉ việc anh Phạm Văn T làm việc Xí nghiệp xây lắp trực thuộc Công ty.

Ngày 21 tháng 8 năm 2012, UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 1201/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa bộ phận Công ty TNHH MTV C T N và CCĐTCà Mau. Trên cơ sở đó, Công ty TNHH MTV C T N và CCĐTCà Mau đã xây dựng Phương án sắp xếp lao động dôi dư theo Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 28/8/2010 và Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 do chuyển đổi Công ty TNHH 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần. Do đặc thù của hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, Công ty đã chọn phương án triển khai và chỉ đạo cho các bộ phận trực thuộc Công ty cho tập thể người lao động của từng bộ phận tổ chức họp và tự quyết định trong việc sắp xếp, tinh gọn

lại bộ máy làm việc, trong đó có tự quyết định về số lao động đáp ứng nhu cầu công việc, số lao động dôi dư, số lao động xin nghỉ việc và thống nhất danh sách lao động gửi về để Công ty xây dựng Phương án. Xí nghiệp xây lắp có tổ chức họp theo chỉ đạo của Công văn số 16/CV-CTN ngày 25/3/2015 và thống nhất danh sách người lao động nghỉ dôi dư khi cổ phần hóa gửi về Công ty. Như vậy, những người lao động thuộc Xí nghiệp xây lắp, trong đó có ông T, đều biết mình thuộc đối tượng dôi dư, phải nghỉ việc.

Sau khi Phương án sắp xếp lao động dôi dư được xây dựng hoàn chỉnh, Công ty đã gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, sau khi đồng ý với phương án trên, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã trình Phương án cho UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt. Đến ngày 26/8/2015, UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 1246/QĐ – UBND về việc phê duyệt phương án sắp xếp lao động dôi dư do chuyển đổi Công ty TNHH MTV C T N và CCĐT Cà Mau thành Công ty CP CN Cà M.

Trong quá trình cơ cấu, sắp xếp lại, Xí nghiệp xây lắp trực thuộc Công ty bị giải thể theo Quyết định số 237/QĐ-CTN ngày 07/9/2015 của Công ty TNHH MTV C T N và CCĐT Cà Mau, tất cả người lao động, trong đó có anh Phạm Văn T đều là đối tượng lao động dôi dư. Do đó Công ty đã ban hành Quyết định số 298/QĐ-CTN, ngày 11 tháng 9 năm 2015 về việc chấm dứt hợp đồng lao động, cho anh T nghỉ việc hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Vào ngày 17 tháng 9 năm 2015, Công ty tổ chức cuộc họp để trao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động cho anh T và những người lao động nghỉ việc khác, trong cuộc họp, không có ai, kể cả ông T, có ý kiến gì.

Nay, Công ty xác định đã thực hiện đúng quy trình cho người lao động nghỉ việc và đã tính toán, chi trả đầy đủ các chế độ khi cho anh T nghỉ việc nên Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

Từ nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số 06/2017/LĐ-ST ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà M quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T đối với Công ty CP CNCà M.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Ngày 21/02/2017 anh Phạm Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 06/2017/LĐ-ST ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà M, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn, Luật sư của nguyên đơn thay đổi nội dung đơn kháng cáo: Rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc buộc Công ty phải bồi thường tổn thất tinh thần 10 tháng lương bằng 31.000.000 đồng. Đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty kể từ ngày xét xử phúc thẩm, yêu cầu Công ty phải trả tiền lương trong thời gian không được làm việc và bồi thường hai tháng tiền lương. Ngoài ra, anh T không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định và đề nghị sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà M chấp nhận một phần kháng cáo và một phần yêu cầu khởi kiện của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Phạm Văn T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Về căn cứ chấm dứt hợp đồng lao động tại Quyết định số 298/QĐ – CTN ngày 11/9/2015 của Công ty CP CN Cà M đối với anh T là căn cứ vào Thông tư số 33 ngày 22/12/2012 của Bộ Lao động thương binh xã hội và Quyết định số 1246 ngày 26/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, đồng thời có nêu lý do là sắp xếp lao động dồi dư do chuyển đổi Công ty TNHH MTV CTN thành Công ty cổ phần.

Tuy nhiên, đã qua Công ty vi phạm về trình tự, thủ tục xây dựng phương án lao động theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH, cụ thể là không phối hợp với tổ chức Công đoàn để tổ chức Đại hội Công nhân viên chức hoặc Đại hội đại biểu công nhân viên chức để Đại hội cho ý kiến về danh sách lao động. Công ty lấy lý do Công ty có nhiều người lao động nên không thể tổ chức đại hội là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định của Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH nêu trên, thì Công ty có thể tổ chức đại hội Đại biểu. Vi phạm của Công ty là nghiêm trọng vì đây là Doanh nghiệp Nhà nước, hầu hết người lao động đã có thời gian làm việc lâu dài, có đóng góp cho Doanh nghiệp. Do đó, việc sắp xếp lại lao động đòi hỏi phải công khai, minh bạch. Việc xác định số lượng lao động dồi dư và người lao động nào thuộc diện dồi dư phải nghỉ việc phải được đưa ra đại hội để tập thể người lao động xem xét. Công ty không tổ chức Đại hội, để đại hội xem xét, cho ý kiến về danh sách lao động; không trao đổi thống nhất với Công đoàn để xác định có bao nhiêu người lao động dồi dư và người lao động nào thuộc diện dồi dư phải nghỉ việc.

Vì vậy, vi phạm nêu trên đủ cơ sở để Tòa án phải hủy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giữa Công ty với anh Phạm Văn T. Án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp.

[2] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thống nhất chấm dứt hợp đồng nếu không trừ khoản tiền trợ cấp mất việc làm đã nhận. Xét đây là yêu cầu tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của anh T là phù hợp với Điều 49 Bộ luật lao động năm 2012 nên được ghi nhận. Phía Công ty phải có trách nhiệm vật chất đối

với anh T theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động, cụ thể Công ty phải bồi thường cho anh T các khoản sau đây:

- Buộc Công ty bồi thường cho anh T bằng 02 tháng tiền lương (theo mức lương bình quân 06 tháng liền kề tại thời điểm nghỉ việc là 3.987.000 đồng/tháng x 02 tháng = 7.974.000 đồng.

- Buộc Công ty phải thanh toán tiền lương cho anh T từ tháng 9 năm 2015 đến ngày xét xử phúc thẩm (11/2017) là 26 tháng x 3.987.000 đồng/tháng = 103.662.000 đồng.

Tổng cộng 02 khoản buộc Công ty phải trả cho anh T là : 103.662.000 đồng + 7.974.000 đồng = 111.636.000 đồng.

Công ty có trách nhiệm đóng các khoản bảo hiểm theo quy định pháp luật.

[3] Đối với việc rút kháng cáo về khoản tiền bồi thường tiền tổn thất tinh thần. Thấy rằng việc rút yêu cầu này của anh T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo theo quy định tại Điều 295 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm, phúc thẩm, anh T không phải chịu, Công ty phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch số tiền 3.349.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 295, khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 22, 44, 45, 46 của Bộ luật Lao động; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn T.

Sửa bản án lao động sơ thẩm số: 06/2017/LĐ-ST ngày 14/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà M.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T:

- Hủy Quyết định số 298/QĐ-CTN ngày 11/9/2015 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C T N và CCĐT Cà Mau nay là Công ty CP CN Cà M về việc chấp dứt hợp đồng lao động đối với anh Phạm Văn T.

- Buộc Công ty CP CNCà M phải bồi thường và thanh toán tiền lương cho anh T trong khoản thời gian không được làm việc tổng cộng bằng 111.636.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Công ty CP CN Cà M có trách nhiệm đóng các khoản bảo hiểm cho anh T theo quy định pháp luật.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T đối với Công ty về việc chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 16/11/2017.

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh T về việc buộc Công ty bồi thường tiền tổn thất tinh thần.

4. Về án phí:

- Án phí lao động sơ thẩm, anh T không phải chịu, Công ty phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch số tiền 3.349.000 đồng.

- Án phí lao động phúc thẩm, ông T không phải chịu. Ngày 23 tháng 02 năm 2017, ông T có dự nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 200.000 đồng theo biên lai thu số 0002616 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà M, nay được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà M;
- Chi cục THADS thành phố Cà M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Chung Văn Kết